

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI LỘC
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 13/2024/HS-ST

Ngày: 05/4/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Nam Phước

- Bà Trần Thị Lệ Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn L, T** gọi khác: không, Giới tính: nam; Sinh ngày: 21 tháng 4 năm 1984 tại **huyện H, Đà Nẵng**; Nơi ĐKKHKT: **thôn H, xã Đ, huyện Đ, Quảng Nam**; Chỗ ở hiện nay: **thôn H, xã Đ, huyện Đ, Quảng Nam**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông **Ngô Văn T1 (đã chết)** và bà **Nguyễn Thị S** (sinh năm 1936) trú tại **K D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Gia đình có 06 anh chị em, bị can là con út; Vợ: **Trần Thị Bích L1** (sinh năm 1987), bị can có 01 con sinh năm 2009 cùng trú tại **thôn H, xã Đ, huyện Đ**.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 23/12/2002 bị **Công an huyện Đ** xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2023 đến ngày 31/7/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: **Bùi Thị Tố T2**; Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1975 (có mặt)

Chỗ ở hiện nay: **N, tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Trần Thị Bích L1**, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Chỗ ở hiện tại: **Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**.

- Người làm chứng: **Bùi Quang Hồng T3 (Ú)**, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: **N, tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022, Ngô Văn L cho chị Bùi Thị Tố T2 (sinh năm: 1975, trú tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) vay mượn với tổng số tiền 285.000.000 đồng và thỏa thuận tính lãi suất từ 02%-03%/tháng và có soạn thảo “Giấy cho mượn tiền và cam kết trả” để chị T2 ký xác nhận. Ngoài ra, chị T2 còn tham gia chơi và nhận tiền các chân biêu hụi do L làm chủ, số tiền biêu chị T2 phải góp hàng ngày cho L là 800.000 đồng. Sau khi vay mượn tiền của L, do việc buôn bán gặp khó khăn nên chị T2 không nộp đủ tiền biêu và tiền lãi cho L nên L nhiều lần điện thoại yêu cầu chị T2 trả tiền nhưng chị T2 chưa có tiền để trả, L điện thoại và hẹn chị T2 đến nhà L tại thôn H, xã Đ, huyện Đ để giải quyết tiền biêu và nợ lãi.

Khoảng 17 giờ ngày 23/02/2023, chị T2 đi đến nhà L, L nói chị T2: “chừ tiền bạc chị tính rằng đây chị T2”, chị T2 nói: “chừ em có đánh chết chị cũng không có tiền để trả”, L nói: “chị ngồi xuống đây để tính cho xong” và tiếp tục nói: “chị nói chị lạ rứa, tiền cũng là em mượn của họ đưa cho chị mà chị nói rứa hả? chừ chị với em ngồi tính chị còn thiếu bao nhiêu tiền lâu ni chị không trả em phải trả thay cho chị, chị ký xác nhận với hứa đến bao giờ chị trả cho em” và L đã soạn sẵn một Giấy cam kết trả tiền nội dung thể hiện là chị T2 nợ L số tiền 60.000.000 đồng rồi đưa cho chị T2 xem. T2 nói: “chừ chị không có tiền”, L nói: “chị không có tiền thì xác nhận cho em với hứa đến hồi mô trả chớ”. T2 nói: “chị không có xác nhận chi hết, chừ có đánh chết chị cũng không ký”. Bực tức trước lời thách đố của chị T2 nên L dùng tay đánh (tát) vào miệng, đầu của chị T2. Chị T2 đưa tay trái lên đỡ thì L nhìn thấy chị T2 có đeo 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng tại ngón áp út bàn tay trái, nghĩ là vàng tây nên L nói chị T2: “chị đưa cái nhẫn đây, hồi mô chị trả tiền thì tôi đưa lại cho chị”. Lúc này, chị T2 đưa tay có đeo nhẫn để L rút chiếc nhẫn trên tay chị T2 đang đeo rồi để xuống bàn. Sau đó chị T2 không ký mà đứng dậy đi ra khỏi bàn và tiếp tục có lời lẽ thách thức nên L kéo lại, chị T2 không ngồi lại mà nằm vạ xuống nên L dùng tay đánh tát 02 cái vào vùng mặt chị T2 và nói “chị không có nằm vạ ở đây được, chị thiếu tiền em thì chị phải ngồi tính toán để trả chớ không nằm ở đây được”. Một lát sau, chị T2 nghĩ bản thân nợ tiền của L nên trước sau gì cũng trả nếu không trả thì L sẽ đe dọa, làm ảnh hưởng đến việc buôn bán của chị sau này và chị T2 ngồi lại bàn ký vào giấy mượn tiền rồi ra về và đến Công an xã Đ, huyện Đ để tố giác hành vi của L.

Theo kết luận giám định số 209 ngày 28/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận chị Bùi Thị Tố T2 bị thương tích 01%. Cụ thể như sau:

Bệnh nhân van khắp đầu, không thấy xát da, bầm tụ máu dưới da. Sang chấn này do vật tày tác động gây nên. Tỷ lệ thương tích 01%;

Dấu sung nề vùng môi đã khỏi, vết xây xát vùng môi đã lành sẹo tốt khó nhận biết, không để lại di chứng gì nên chúng tôi không xếp tỉ lệ thương tích;

Dấu sung nề vùng mũi đã khỏi không để lại di chứng gì, không thấy xát da, vuốt nhẹ sống mũi không đau, không nghẹt mũi, kiểm tra hốc mũi hai bên sạch, thông thoáng, không có máu khô đọng lại, nên chúng tôi không xếp tỉ lệ thương tích;

Bệnh nhân van đau vùng cổ phía sau, không thấy xây xát da, bầm tụ máu dưới da, ấn đau, đau chủ yếu đau da và cơ. Sang chân này do vật tày tác động gây nên. Vận động gập, ngửa và nghiêng cổ sang hai bên được nhưng còn đau. Tình trạng đau da và cơ sau thời gian điều trị sẽ khỏi nên chúng tôi không xếp tỉ lệ thương tích.

Theo kết luận giám định số 1620 ngày 07/8/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt nhẫn có đính các hạt màu đỏ và các hạt chất màu trắng gửi đi giám định có kim loại đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 91,7%; kẽm là 8,3%; tổng khối lượng mẫu là 3,39gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu đỏ và các hạt chất màu trắng).

Theo kết luận định giá số 33/KL-HĐĐGTS ngày 03/10/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự kết luận 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt nhẫn có đính các hạt màu đỏ và các hạt chất màu trắng gửi đi giám định có kim loại đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 91,7%; kẽm là 8,3%; tổng khối lượng mẫu là 3,39gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu đỏ và các hạt chất màu trắng) là trang sức bằng kim loại hỗn hợp đồng, kẽm... không phải là kim loại vàng, đã qua sử dụng. Qua khảo sát thị trường đối với tài sản này sau khi được sử dụng thì thị trường không thực hiện giao dịch mua, bán. Do đó, Hội đồng không thể định giá giá trị của tài sản này (bút lục số 72-74).

Theo kết luận định giá số 36/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự kết luận 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, mặt nhẫn có đính các hạt màu đỏ và các hạt chất màu trắng bằng vàng 10K có trọng lượng là 3,39gam có giá trị là 2.230.000 đồng.

**Về vật chứng:*

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tạm giữ và xử lý vật chứng gồm: 01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng có đường kính 02cm trên nhẫn có khắc hoa văn có kích thước (1,5x1)cm và 01 điện thoại Nokia TA-1174 màu xanh đen số IMEI 1 350664634027964 và số IMEI 2 350664636027962 đã trả lại cho chị Bùi Thị Tố T2.

Tạm giữ của chị Bùi Thị Tố T2 01 bản phô tô giấy mượn tiền và cam kết trả ghi ngày 22/8/2022 và 06 bản phô tô giấy A4 có nội dung chụp từ điện thoại của chị T2 được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

**Về dân sự:* bị cáo đã bồi thường cho chị Bùi Thị Tố T2 số tiền 10.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, bị cáo Ngô Văn L đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cáo trạng số 03/CT-VKSĐL ngày 16/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc truy tố bị cáo Ngô Văn L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 38 BLHS

năm 2015 xử phạt bị cáo **Ngô Văn L** từ 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù đến 30 (*ba mươi tháng* tù).

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người bị hại, người có nghĩa vụ liên quan, người làm chứng khai nhận nội dung vụ án như lời khai của bị cáo, phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình mà đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phổ biến về quyền, nghĩa vụ của mình trong từng giai đoạn tố tụng và tự khai báo về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tội danh và khung hình phạt: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Ngô Văn L** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người có nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định được: vào khoảng 17 giờ 00 ngày 23/02/2023, tại nhà **Ngô Văn L** ở thôn H, xã Đ, huyện Đ, **Ngô Văn L** có hành vi uy hiếp về tinh thần nhằm chiếm đoạt của chị **Bùi Thị Tố T2** với tổng giá trị bị chiếm đoạt là 62.230.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Ngô Văn L** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy: **Ngô Văn L** là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật, bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu đối với tài sản được pháp luật bảo vệ, đó là quyền bất khả xâm phạm. Thế nhưng, với động cơ vụ lợi, mục đích cưỡng đoạt tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, đạo đức xã hội. Bị cáo đã có hành vi “*Cưỡng đoạt tài sản*” của bị hại với tổng giá trị tài sản là 62.230.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn **huyện Đ**, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một cách nghiêm minh bằng cách áp dụng hình phạt tù để cách

ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả, bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự và bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo phạm tội chưa đạt nên được áp điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ áp dụng cho bị cáo Điều 54 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

* *Vật chứng*: quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tạm giữ và xử lý vật chứng gồm: 01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng có đường kính 02cm trên nhẫn có khắc hoa văn có kích thước (1,5x1)cm và 01 điện thoại Nokia TA-1174 màu xanh đen số IMEI 1 350664634027964 và số IMEI 2 350664636027962 đã trả lại cho chị Bùi Thị Tố T2 là phù hợp.

Tạm giữ của chị Bùi Thị Tố T2 01 bản phô tô giấy mượn tiền và cam kết trả ghi ngày 22/8/2022 và 06 bản phô tô giấy A4 có nội dung chụp từ điện thoại của chị T2 được lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

* *Về dân sự*: bị cáo đã bồi thường cho chị Bùi Thị Tố T2 số tiền 10.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

* Các vấn đề khác:

- Đối với thương tích 01% mà Ngô Văn L gây ra cho chị Bùi Thị Tố T2, chị T2 nhận thấy do bản thân có nợ tiền mà còn có lời nói thách thức nên L dùng tay đánh chị gây thương tích nhẹ và không yêu cầu khởi tố vụ án nên không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với việc vay mượn tiền giữa bị cáo Ngô Văn L với chị Bùi Thị Tố T2 thỏa thuận với lãi suất từ 02%-03%/tháng là không đủ cơ sở để xử lý đối với L về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phù hợp.

- Khi Ngô Văn L có hành vi uy hiếp buộc chị Bùi Thị Tố T2 viết giấy xác nhận nợ thì chị Trần Thị Bích L1 (vợ L) đang làm nắm phía sau nhà và không biết việc L chiếm đoạt tài sản của chị T2, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

[3] *Về án phí*: bị cáo Ngô Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn L phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được khấu trừ thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2023 đến ngày 31/7/2023.

2. Về án phí: buộc bị cáo Ngô Văn L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Q.**N**;
- VKSND H. Đại Lộc;
- **Công an H**;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS H.Đại Lộc;
- Vụ GDDKT1 – TANDTC;
- Lưu hồ sơ;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng P

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phụng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND H. Đại Lộc;
- Công an H. Đại Lộc;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS H.Đại Lộc;
- Vụ GDDKT1 – TANDTC;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phụng

